



ISSN
1859-3968

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Tập 34, Số 1 (2024): 3 - 11

Email: tapchikhoahoc@hvu.edu.vn

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

HUNG VUONG UNIVERSITY

Vol. 34, No. 1 (2024): 3 - 11

Website: www.jst.hvu.edu.vn

HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ SỐ

Tăng Mỹ Sang^{1*}

¹Khoa Tài Chính - Kế Toán, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 27/11/2023; Ngày chỉnh sửa: 21/12/2023; Ngày duyệt đăng: 28/12/2023

DOI: <https://doi.org/10.59775/1859-3968.172>

Tóm tắt

Bài viết được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của công nghệ tài chính đến hiệu quả tài chính của 27 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022. Bài viết sử dụng mô hình hồi quy đa biến và xử lý dữ liệu bằng phương pháp Pooled OLS. Kết quả nghiên cứu cho thấy công nghệ tài chính có tác động đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Công nghệ tài chính, rủi ro tín dụng, chi phí hoạt động, cạnh tranh ngân hàng được tìm thấy có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả tài chính. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy quy mô ngân hàng, cho vay, nguồn vốn, thu nhập ngoài lãi, tập trung ngân hàng, tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả tài chính. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất hàm ý quản trị cho các ngân hàng thương mại Việt Nam. Bài viết đã đóng góp kết quả nghiên cứu về ảnh hưởng của công nghệ tài chính tại các ngân hàng Việt Nam, là cơ sở để các nhà quản trị xây dựng chiến lược cho ngân hàng.

Từ khóa: Fintech, hiệu quả tài chính, ngân hàng thương mại, tín dụng.

1. Đặt vấn đề

Sau các cuộc khủng hoảng tài chính, thế giới bắt đầu tìm kiếm các công cụ mới để kiểm soát hệ thống tài chính của mình vì những nhược điểm của hệ thống kiểm soát truyền thống [1]. Từ đó, mô hình kinh doanh của ngành ngân hàng cũng đã có sự thay đổi đáng kể [2]. Các ngân hàng ứng dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh và quản lý ngày càng nhiều. Ngày nay, Fintech (công nghệ tài chính) đã trở thành một phần không thể thiếu của ngành ngân hàng [3].

Những ưu điểm của Fintech đã có những tác động nhất định đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại. Nghiên cứu của Chen và cộng sự [4] cho thấy Fintech giúp

gia tăng hiệu quả tài chính của ngân hàng qua việc tăng trải nghiệm của khách hàng. Kết quả của Liu [2] cũng cho thấy tác động tích cực của Fintech đến hiệu quả tài chính của ngân hàng. Ngoài ra, với sự trợ giúp của Fintech, giờ đây khách hàng có thể thanh toán nhanh hơn, nhận tiền hiệu quả hơn, quản lý tài sản dễ dàng hơn và thực hiện nhiều dịch vụ khác mang lại nhiều khoản thu cho ngân hàng [5-6]. Tuy vậy, kết quả nghiên cứu của [7-8] lại cho thấy xu hướng tác động ngược chiều, công nghệ tài chính có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả tài chính của ngân hàng.

Tại Việt Nam, công nghệ tài chính cũng đang được các ngân hàng triển khai mạnh. Điều này đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên

*Email: sangtm@uef.edu.vn

cứu đến kết quả tác động của Fintech đến hiệu quả hoạt động, đặc biệt là hiệu quả tài chính. Nghiên cứu của Trọng Tài [7] đã cho thấy tại các quốc gia trên thế giới bao gồm Việt Nam, Fintech đã có tác động tiêu cực đến hiệu quả tài chính của ngân hàng thương mại. Nghiên cứu của Đinh & Nguyễn [8] trong giai đoạn 2006 đến 2018 cũng đã xác định kết quả này.

Hầu hết các nghiên cứu trước về hiệu quả tài chính dưới sự ảnh hưởng của công nghệ tài chính được thực hiện rộng rãi tại nhiều quốc gia khác. Tại Việt Nam cũng có một số nghiên cứu đã được thực hiện. Tuy nhiên, kết quả đã cho thấy sự chưa đồng nhất về mối liên hệ này và chỉ mới được thực hiện trong giai đoạn bình thường của nền kinh tế. Tại Việt Nam, khi đại dịch Covid-19 xảy ra, thói quen tiêu dùng của khách hàng đã bị ảnh hưởng bởi công nghệ và các sản phẩm được triển khai dựa trên công nghệ cũng đa dạng hơn.

Từ đó, bài viết này được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của công nghệ tài chính đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn bình thường và giai đoạn có sự chuyển biến mạnh của việc ứng dụng Fintech. Kết quả nghiên cứu nhằm đóng góp bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam về sự ảnh hưởng của Fintech đến hiệu quả tài chính của ngân hàng. Ngoài ra, kết quả còn cung cấp cho các NHTM những thông tin cần thiết trong quá trình xây dựng chiến lược kinh doanh.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết đại diện

Lý thuyết đại diện là một trong những lý thuyết kinh điển về quản trị doanh nghiệp [9]. Trong quản trị doanh nghiệp, vấn đề đại diện thường đề cập đến xung đột lợi ích giữa nhà quản lý doanh nghiệp và các cổ đông của doanh nghiệp. Vấn đề đại diện làm tăng chi phí đại diện và tác động nhất định đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp.

Trong ngành ngân hàng, vấn đề đại diện chủ yếu là giữa ban lãnh đạo và cổ đông. Giải pháp để xử lý vấn đề này thường tập trung vào các quy tắc thủ tục, hợp đồng và kiểm soát của các cơ quan quản lý thông qua các quy định ngân hàng. Do đó, nội dung của lý thuyết này được sử dụng để nghiên cứu về hiệu quả tài chính và ổn định ngân hàng [10].

Trong nghiên cứu này, lý thuyết đại diện được dùng để đánh giá hiệu quả tài chính của ngân hàng dưới sự ảnh hưởng của những yếu tố nội tại, bên ngoài và công nghệ. Đây là những yếu tố mà các nhà quản trị cần chú trọng trong quá trình hướng tới mục tiêu cuối cùng là gia tăng giá trị tài sản, lợi nhuận cho các cổ đông.

2.2. Hiệu quả tài chính

Hiệu quả tài chính thể hiện kết quả kinh tế đạt được trong một khoảng thời gian nhất định [11], được phản ánh qua những dữ liệu công bố trên báo cáo tài chính của các ngân hàng. Do đó, công cụ đo lường được sử dụng để đánh giá hiệu quả tài chính là phương pháp tỷ số tài chính [6].

Một trong những chỉ số phổ biến nhất là khả năng sinh lời [12]. Chỉ số này được đo lường bằng một số chỉ số tài chính như lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA), lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) hoặc biên lợi nhuận ròng (NIM) [13-14]. Do hoạt động của ngân hàng sử dụng đòn bẩy tài chính rất cao nên trong các chỉ số trên thì chỉ số ROA được các nghiên cứu sử dụng phổ biến nhất để đánh giá hiệu quả tài chính của ngân hàng [15-16].

Hiệu quả tài chính là kết quả của quá trình quản trị ngân hàng. Dựa vào lý thuyết đại diện, các nhà quản lý ngân hàng phải đưa ra những quyết định mang lại hiệu quả cao nhất nhằm tối đa hóa giá trị của các cổ đông [9]. Đặc điểm hoạt động của ngân hàng là chịu tác động mạnh bởi nhiều yếu tố khác nhau. Những yếu tố này được chia thành ba nhóm gồm yếu tố nội tại, yếu tố bên ngoài và yếu tố công nghệ.

2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các NHTM

2.3.1. Những yếu tố nội tại ngân hàng

Hoạt động của ngân hàng chủ yếu là cho vay, huy động vốn và cung cấp dịch vụ thanh toán. Do đó, tiền gửi là một trong những yếu tố quan trọng góp phần giúp ngân hàng tạo ra lợi nhuận. Một số nghiên cứu trước đã cho thấy tiền gửi có tác động tích cực đến hiệu quả tài chính của ngân hàng [8, 17].

Cho vay cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tạo ra lợi nhuận của ngân hàng thông qua ảnh hưởng đến biên lãi ròng. Ngoài ra, cho vay cũng ảnh hưởng gián tiếp đến lợi nhuận thông qua chất lượng của danh mục cho vay [18]. Vì vậy, cho vay ảnh hưởng đến khả năng sinh lợi theo hai chiều hướng khác nhau. Những khoản vay không có chất lượng sẽ dẫn đến rủi ro từ đó ngân hàng phải trích lập dự phòng, hạch toán vào chi phí làm giảm lợi nhuận của ngân hàng [9, 15]. Bên cạnh chi phí trích lập thì các ngân hàng không kiểm soát tốt chi phí hoạt động cũng làm giảm hiệu quả tài chính [19].

Bên cạnh nguồn thu chủ yếu từ cho vay thì hiện nay các ngân hàng đang có xu hướng gia tăng những nguồn thu ngoài lãi vì nguồn thu này mang lại ít rủi ro hơn cho ngân hàng [20]. Ngoài ra, quy mô ngân hàng cũng được xác định là yếu tố có ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng. Những ngân hàng có quy mô lớn sẽ đạt lợi ích kinh tế theo quy mô từ đó giúp giảm chi phí hoạt động và tăng lợi nhuận [16]. Một yếu tố khác cũng có tác động đến hiệu quả tài chính của ngân hàng là nguồn vốn. Nguồn vốn mạnh giúp ngân hàng phát triển bền vững và ổn định, giúp ngân hàng chịu đựng và hấp thu tốt các rủi ro. Ngân hàng có vốn lớn thường tạo được niềm tin cho khách hàng [15].

2.3.2. Những yếu tố bên ngoài

Yếu tố bên ngoài đầu tiên có ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại là tăng trưởng kinh tế. Trong giai

đoạn nền kinh tế tăng trưởng tốt, các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thuận lợi và mở rộng kinh doanh. Nhu cầu vốn của các doanh nghiệp từ đó cũng tăng, giúp ngân hàng có thể tìm kiếm lợi nhuận tốt hơn [11].

Ngoài ra, mức độ tập trung ngân hàng cũng cho thấy có ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính theo hai hướng khác nhau [16]. Mức độ tập trung của ngân hàng thể hiện tỷ lệ tài sản của ngân hàng trong hệ thống [14]. Cạnh tranh cũng là một yếu tố quyết định đến lợi nhuận ngân hàng. Những ngân hàng có sức mạnh cạnh tranh trên thị trường đưa ra mức lãi suất cho vay cao hơn. Các ngân hàng này cũng có quyền lựa chọn những ngân hàng đi vay có khả năng trả nợ tốt hơn. Từ đó, rủi ro và chi phí ngân hàng giảm và hiệu quả tài chính tăng [20].

2.3.3. Yếu tố công nghệ

Công nghệ tài chính ra đời đánh dấu sự đổi mới quan trọng trong lĩnh vực tài chính [6]. Công nghệ tài chính ứng dụng công nghệ vào các dịch vụ tài chính để cải thiện hệ thống và dịch vụ tài chính nhằm giúp các ngân hàng hoạt động hiệu quả hơn [3]. Các sản phẩm nổi bật của công nghệ tài chính trong ngành ngân hàng là thanh toán, cho vay, huy động vốn và quản lý tài sản. Các ngân hàng ứng dụng công nghệ tài chính hiệu quả giúp tăng khả năng cạnh tranh từ đó tăng hiệu quả tài chính trong dài hạn [6]. Tuy nhiên, nguồn vốn ban đầu để đầu tư phát triển công nghệ là rất lớn do đó về ngắn hạn thì Fintech có tác động tiêu cực đến hiệu quả tài chính [7].

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng. Dữ liệu được thu thập từ các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các NHTM Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022. Sau khi lọc dữ liệu, số lượng ngân hàng được phân tích là 27. Chỉ số GDP được lấy từ bộ dữ liệu của Ngân hàng Thế giới.

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm Stata và được phân tích qua các bước: (1) Mô tả thống kê, bước này nhằm mô tả bộ dữ liệu; (2) Phân tích hồi quy mô hình nghiên cứu theo phương pháp Pooled GLS; (3) Phân tích tương quan bằng hệ số Pearson nhằm kiểm tra mối quan hệ giữa các biến trong mô hình; (4) Phân tích đa cộng tuyến bằng hệ số VIF.

Phương pháp Pooled OLS đánh giá các ngân hàng trong mẫu mà không quan tâm đến sự khác biệt giữa các ngân hàng này. Ưu điểm của phương pháp hồi quy Pooled OLS là tính toán đơn giản các tham số của mô hình. Các nghiên cứu trước cho thấy đây là phương pháp được sử dụng phổ biến để đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến hiệu quả tài chính của ngân hàng trong đó có công nghệ tài chính. Do đó, trong nghiên cứu này tác giả cũng sử dụng phương pháp Pooled OLS để xác định ảnh hưởng của fintech đến hiệu quả tài chính của các NHTM Việt Nam.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Mục tiêu của nghiên cứu là tìm hiểu tác động của Công nghệ tài chính đến hiệu quả tài chính của ngân hàng. Dựa vào các nghiên cứu trước, chủ yếu là nghiên cứu của Anindyastri [6], và đặc điểm của các ngân hàng thương mại Việt Nam, mô hình nghiên cứu được đề xuất trong bảng 1.

Trong đó ROA là biến phụ thuộc đại diện cho hiệu quả tài chính của ngân hàng; FIN đại diện cho công nghệ tài chính; SIZE là quy mô ngân hàng, LOAN đại diện cho biến cho vay của ngân hàng; LLP đại diện cho rủi ro tín dụng; EQT là vốn ngân hàng; COST đại diện cho chi phí; DEP là tiền gửi; INC là thu nhập ngoài lãi; HHI là mức độ tập trung, GDP là tăng trưởng kinh tế, STC là cạnh tranh; là sai số, i đại diện cho từng ngân hàng trong mẫu, t là thời gian.

Bảng 1. Mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu

Biến đại diện	Ký hiệu biến	Công thức tính	Kỳ vọng	Tác giả
Hiệu quả tài chính	ROA	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		
Công nghệ tài chính	FIN	Logarit của số lượng công ty Fintech tại năm t	+/-	Anindyastri và cộng sự (2022) Đinh & Nguyễn (2021)
	SIZE	Logarit của Tổng tài sản	+	Ekinci & Poyraz (2019)
Các yếu tố nội bộ ngân hàng	LOAN	Tổng dư nợ cho vay/Tổng tài sản	+	Bikker & Vervliet (2018)
	LLP	Dự phòng rủi ro tài chính/Tổng dư nợ cho vay	-	Ekinci & Poyraz (2019) Suyanto (2021)
	EQT	Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	-	Suyanto (2021)
	COST	Chi phí hoạt động/Vốn chủ sở hữu	-	Shair và cộng sự (2019)
	DEP	Tổng tiền gửi/Tổng tài sản	+	Li và cộng sự (2021) [21]
	INC	Thu nhập ngoài lãi/Tổng tài sản	+	Li và cộng sự (2021) [21]
Các yếu tố bên ngoài	HHI	Chỉ số Herfindahl Hirschman (có giá trị từ 0-1), chỉ số này càng gần 1 thể hiện thị trường càng kém cạnh tranh. $HHI = \sum_{i=1}^n S_i^2$ Với S_i là tổng tài sản của ngân hàng i trên tổng tài sản của hệ thống ngân hàng tại năm tính toán.	+/-	Ekinci & Poyraz (2019)
	GDP	Tốc độ tăng trưởng GDP	+	Shakhashiro và cộng sự (2022)
	STC	Vốn ngắn hạn/Cho vay dài hạn	+	Moudud-UI-Huq (2020)

(Nguồn: Tổng hợp từ các nghiên cứu trước)

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Mô tả thống kê

Kết quả mô tả thống kê cung cấp thông tin về giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị tối đa và tối thiểu về các chỉ số ROA, FIN, SIZE, LOAN, LLP, EQT, COST, DEP, INC, HHI, GDP và STC.

Bảng 2. Kết quả mô tả thống kê

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
ROA	128	0,07	0,01	0,06	0,08
FIN	128	1,39	0,06	1,30	1,48
SIZE	128	18,39	1,22	14,89	21,14
LOAN	128	0,58	0,04	0,51	0,65
LLP	128	0,75	0,18	0,50	1,19
EQT	128	0,03	0,01	0,02	0,04
COST	128	0,37	0,11	0,20	0,55
DEP	128	0,81	0,06	0,70	0,89
INC	128	0,01	0,01	0,01	0,01
HHI	128	0,50	0,27	0,02	0,99
GDP	128	0,06	0,01	0,03	0,07
STC	128	0,30	0,06	0,20	0,39

(Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm Stata)

Kết quả Bảng 2 cho thấy giá trị trung bình của FIN là 1,398 cao hơn các biến khác trong mô hình và chỉ thấp hơn so với SIZE. Độ biến động của giá trị tối thiểu và giá trị tối đa của Fintech có mức độ biến động cao, từ 1,301 đến 1,4771.

Về các biến đặc điểm ngân hàng, giá trị trung bình của SIZE là 18,3924. Ngoài ra, kết quả cho thấy giá trị của các ngân hàng cao tới 14,890 và thấp nhất là 21,140. Những con số này cho thấy sự chênh lệch lớn về quy mô giữa các ngân hàng, trong đó ngân hàng có quy mô lớn sẽ có nhiều khách hàng. Trong khi LLP có sự khác biệt rõ ràng giữa giá trị

trung bình, giá trị nhỏ nhất và giá lớn nhất. LLP dao động từ 0,501 đến 1,196.

4.2. Phân tích hồi quy

Sau khi mô tả thống kê, tác giả đã thực hiện kiểm định mối tương quan của các biến trong mô hình. Kết quả cho thấy hệ số tương quan giữa các biến cao nhất là 0,74, nhỏ hơn 0,8. Sau đó, kiểm định cho thấy tất cả các hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 10. Như vậy, các biến trong mô hình đáp ứng về yêu cầu tương quan và tính vững. Bước tiếp theo là xử lý hồi quy mô hình nghiên cứu, kết quả phân tích hồi quy được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả hồi quy đa biến

Ký hiệu biến	Hệ số	p-value
FIN	-0,01	0,000
SIZE	0,01	0,000
LOAN	0,09	0,000
LLP	-0,01	0,000
EQT	0,08	0,000
COST	-0,01	0,000
DEP	-0,01	0,000
INC	0,65	0,000
HHI	0,01	0,000
GDP	0,09	0,000
STC	-0,01	0,000
Hằng số	0,01	0,12
Số mẫu	128	
R2	0.98	

(Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm Stata)

Phân tích hồi quy đa biến cho thấy công nghệ tài chính (FIN), rủi ro tín dụng (LLP), chi phí (COST), tiền gửi (DEP) và cạnh tranh (STC) có tác động tiêu cực đến khả năng sinh lợi của ngân hàng (ROA). Trong đó, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tương đối bằng nhau. Quy mô ngân hàng (SIZE), cho vay của ngân hàng (LOAN); vốn ngân hàng (EQT); thu nhập ngoài lãi (INC); mức độ tập trung (HHI), tăng trưởng kinh tế (GDP) có tác động tích cực đến khả năng sinh lợi của ngân hàng (ROA). Trong đó, cho vay của ngân hàng và tăng trưởng kinh tế có tác động mạnh nhất với hệ số tác động là 0,9.

Đối với biến công nghệ tài chính, kết quả hồi quy thể hiện xu hướng tác động tiêu cực của FIN đến ROA với mức ý nghĩa thống kê 1%. Kết quả này cho thấy khi số lượng các công ty Fintech gia tăng, hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam bị giảm sút. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu Anindyastris và cộng sự (2022), Đinh & Nguyễn (2021).

Đối với nhóm biến nội tại ngân hàng, kết quả hồi quy cho thấy quy mô (SIZE), cho vay

(LOAN), vốn của ngân hàng (EQT), thu nhập ngoài lãi (INC) và tiền gửi (DEP) có tác động cùng chiều đến ROA với mức ý nghĩa thống kê 1%. Điều này thể hiện khi quy mô ngân hàng tăng, các khoản cho vay được mở rộng, vốn ngân hàng tăng, tiền gửi của khách hàng và thu nhập ngoài lãi tăng giúp ngân hàng tìm kiếm lợi nhuận tốt hơn. Ngoài ra, ngân hàng theo đuổi những khoản cho vay rủi ro tại Việt Nam cũng đã mang lại cho các ngân hàng hiệu quả tài chính cao hơn. Kết quả này tương thích với nghiên cứu của Ekinci & Poyraz (2019), Bikker & Vervliet (2018), Suyanto (2021), Li và cộng sự (2021).

Kết quả phân tích đối với nhóm biến nội tại ngân hàng cũng đã xác định chi phí (COST) và rủi ro tín dụng (LLP) có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả tài chính của ngân hàng với mức ý nghĩa thống kê 1%. Kết quả này cho thấy khi chi phí hoạt động tăng, rủi ro tín dụng tăng làm cho hiệu quả tài chính của ngân hàng giảm. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Ekinci & Poyraz (2019), Suyanto (2021).

Đối với nhóm biến bên ngoài, kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ tập trung (HHI)

và tăng trưởng kinh tế (GDP) có tác động cùng chiều đến hiệu quả tài chính (ROA). Trong khi đó, cạnh tranh (STC) có tác động ngược chiều. Tất cả các kết quả này đều có mức ý nghĩa thống kê 1%. Kết quả này giống với nghiên cứu của Ekinci & Poyraz (2019), Shakhashiro và cộng sự (2022), Moudud-Ul-Huq (2020).

Hoạt động của NHTM được mô tả như hoạt động của các doanh nghiệp, các dịch vụ cung cấp cho khách hàng đều nhằm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận để tối đa hoá giá trị tài sản cho ngân hàng. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đã cho thấy vẫn còn một số yếu tố dẫn đến giảm lợi nhuận của ngân hàng nếu không được quản trị hiệu quả như rủi ro tín dụng, chi phí, mức độ tập trung và cạnh tranh. Mặc dù rủi ro tín dụng là rủi ro vốn có trong hoạt động của ngân hàng nhưng do rủi ro tín dụng của các ngân hàng Việt Nam chưa được kiểm soát tốt nên ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận. Ngoài ra, việc kiểm soát chi phí cũng chưa hiệu quả. Cạnh tranh và mức tập trung cũng đã có những ảnh hưởng không thuận lợi đến hoạt động ngân hàng làm giảm khả năng sinh lợi. Hơn thế, công nghệ tài chính cũng được kỳ vọng là mang lại lợi nhuận tốt hơn cho ngân hàng nhưng kết quả tại Việt Nam chưa thấy điều này. Kết quả này là do chi phí đầu tư của Fintech ở giai đoạn đầu khá cao và chưa khai thác hiệu quả do một số yếu tố khách quan. Do đó, các NHTM Việt Nam cần có thêm những giải pháp để gia tăng khả năng sinh lợi trong thời gian tới.

5. Kết luận và hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Bài viết được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của công nghệ tài chính đến hiệu quả tài chính của các NHTM Việt Nam. Kết

quả nghiên cứu cho thấy công nghệ tài chính có tác động tiêu cực đến hiệu quả tài chính. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy quy mô ngân hàng, cho vay, nguồn vốn, thu nhập ngoài lãi, tập trung ngân hàng, tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả tài chính. Trong khi đó, rủi ro tín dụng, chi phí hoạt động, cạnh tranh ngân hàng lại có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả tài chính.

Đóng góp của nghiên cứu này cho thấy tại Việt Nam, các NHTM vẫn ở giai đoạn đầu tư cho công nghệ. Do đó, chi phí đầu tư đã làm giảm hiệu quả tài chính. Ngoài ra, kết quả cũng giúp các nhà nghiên cứu xem xét một cách tổng thể những yếu tố nội tại, vĩ mô và công nghệ trong quá trình lập chiến lược hoạt động cho ngân hàng để giúp ngân hàng gia tăng hiệu quả hoạt động, đáp ứng mục tiêu tối đa hóa giá trị tài sản cho các cổ đông.

5.2. Hàm ý quản trị

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu cho thấy Fintech có tác động tiêu cực đến hiệu quả tài chính. Trong ngắn hạn, các ngân hàng chịu tác động tiêu cực từ Fintech. Tuy nhiên, những ưu điểm mà Fintech mang lại trong dài hạn cho ngân hàng là đáng kể. Do đó, các ngân hàng cần có chiến lược đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ và nghiên cứu việc sử dụng một cách hiệu quả nhất. Các ngân hàng Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của ứng dụng các công nghệ, có lợi thế trong việc học hỏi kinh nghiệm và sử dụng những công nghệ cập nhật nhất. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ cũng đòi hỏi sự hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước trong việc tạo điều kiện cũng như đưa ra các hướng dẫn kịp thời và cụ thể để bảo vệ rủi ro cho các bên tham gia. Ngoài ra, hệ thống cơ sở hạ tầng về công nghệ cũng cần được nâng cấp để đủ đáp ứng nhu cầu cải tiến công nghệ.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu còn cho thấy những yếu tố như rủi ro tín dụng, chi phí hoạt động, cạnh tranh ngân hàng có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả tài chính. Từ đó, các ngân hàng cần có giải pháp để giảm chi phí hoạt động, tăng hiệu quả của việc thẩm định. Các ngân hàng có thể sử dụng công nghệ để đạt được mục tiêu này. Các ngân hàng cũng nên theo đuổi danh mục tín dụng có rủi ro phù hợp để giảm chi phí dự phòng, tăng hiệu quả tài chính.

Thứ ba, quy mô ngân hàng, cho vay, nguồn vốn, thu nhập ngoài lãi, tập trung ngân hàng, tăng trưởng kinh tế được xác định có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả tài chính. Từ đó, ngân hàng cần tận dụng nhu cầu vốn của doanh nghiệp để tìm kiếm các khách hàng tốt, tăng khoản cho vay đủ chuẩn để đảm bảo an toàn trong hoạt động. Ngân hàng cần gia tăng nguồn thu ngoài lãi và tận dụng lợi thế theo quy mô để giúp ngân hàng tìm kiếm lợi nhuận tốt hơn.

6. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu này chỉ tập trung vào tác động của Fintech đối với hiệu quả tài chính của các NHTM Việt Nam, chưa có phân tích và so sánh với ngân hàng nước ngoài hoặc các quốc gia khác để thấy được vị thế cũng như mức độ tác động. Ngoài ra, bài viết chỉ sử dụng phương pháp Pooled OLS cũng là một hạn chế. Mỗi phương pháp phân tích đều có những ưu và nhược điểm nhất định. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai có thể sử dụng các phương pháp khác hoặc kết hợp nhiều phương pháp khác nhau để phân tích trên nhiều khía cạnh.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hannon A., Al-Sartawi A. M. A. M. & Khallid A. A. (2021). The Big Data-Driven Digital Economy: Artificial And Computational Intelligence. In: Studies in Computational Intelligence (Vol. 974, Issue September).
- [2] Liu Y., Saleem S., Shabbir R., Shabbir M.S., Irshad A. & Khan S. (2021). The relationship between corporate social responsibility and financial performance: a moderate role of fintech technology. *Environmental Science and Pollution Research*, 28(16), 20174-20187.
- [3] Deng X., Huang Z. & Cheng X. (2019). FinTech and sustainable development: Evidence from China based on P₂P data. *Sustainability (Switzerland)*, 11(22), 6434.
- [4] Chen X., You X. & Chang V. (2021). FinTech and commercial banks' performance in China: A leap forward or survival of the fittest? *Technological Forecasting and Social Change*, 166, 120645.
- [5] Hermuningsih S., Sari P. P. & Rahmawati A. D. (2022). The moderating role of bank size: influence of fintech, liquidity on financial performance. *Jurnal Siasat Bisnis*, 27(1), 106-117.
- [6] Anindyastri R., Lestar, W. D. & Sholahuddin M. (2022). The Influence of Financial Technology (Fintech) on the Financial Performance of Islamic Banking (Study on Islamic Banking listed on the Indonesia Stock Exchange Period 2016-2020). *Benefit: Jurnal Manajemen Dan Bisnis.*, 7(1), 80-92.
- [7] Nguyễn Trọng Tài & Trần Ngọc Anh (2022). Tác động của doanh nghiệp Fintech đến hoạt động kinh doanh ngân hàng và những vấn đề đặt ra với Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 94, 1-12.
- [8] Đinh Thị Thu Hồng, & Nguyễn Hữu Tuấn (2021). Tác động của Fintech tới hiệu quả hoạt động của NHTM. *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*, 562+563, 51-58.
- [9] Abdullah H., & Valentine B. (2009). Fundamental and Ethics Theories of Corporate Governance. *Middle Eastern Finance and Economics*, 4(4), 88-96.
- [10] Naciti V., Cesaroni F. & Pulejo L. (2022). Corporate governance and sustainability: a review of the existing literature. *Journal of Management and Governance*, 26(1), 55-74.
- [11] Shakhshiro A., Kamarudin F. & Yasin I. (2022). The Effect of Economic Freedom on Commercial Banks Efficiency, Does Economic Freedom Enhance Bank's Efficiency? *Asian Journal of*

- Research in Business and Management, 4(1), 83-97.
- [12] Surya Y. A. & Asiyah B. N. (2020). Analisis Perbandingan Kinerja Keuangan Bank Bni Syariah Dan Bank Syariah Mandiri Di Masa Pandemi Covid-19. *IQTISHADIA Jurnal Ekonomi & Perbankan Syariah*, 7(2), 170-187.
- [13] Ali M. & Puah C. H. (2019). The internal determinants of bank profitability and stability: An insight from banking sector of Pakistan. *Management Research Review*, 42(1), 49-67.
- [14] Lalon R.M. & Morshada F. (2020). Impact of Credit Risk Management on Profitability of Commercial Banks in Bangladesh: An estimation of Dynamic Panel Data Model. In *International Journal of Finance & Banking Studies*, 9(3), 131-147.
- [15] Suyanto S. (2021). The Effect of Bad Credit and Liquidity on Bank Performance in Indonesia. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(3), 451-458.
- [16] Ekinci R. & Poyraz G. (2019). The Effect of Credit Risk on Financial Performance of Deposit Banks in Turkey. *Procedia Computer Science*. 158, 979-987.
- [17] Gul S., Irshad F. & Zaman K. (2011). Factors Affecting Bank Profitability in Pakistan. *The Romanian Economic Journal*, 14(39), 61-87.
- [18] Bikker J.A. & Vervliet T.M. (2018). Bank profitability and risk-taking under low interest rates. *International Journal of Finance and Economics*, 23(1), 3-18.
- [19] Shair F., Sun N., Shaorong S., Atta F. & Hussain M. (2019). Impacts of risk and competition on the profitability of banks: Empirical evidence from Pakistan. *PLoS ONE*, 14(11), 1-27.
- [20] Moudud Ul Huq S. (2020). Does bank competition matter for performance and risk-taking? empirical evidence from BRICS countries. *International Journal of Emerging Markets*, 16(3), 409-447.
- [21] Li X., Feng H., Zhao S. & Carter D.A. (2021). The effect of revenue diversification on bank profitability and risk during the COVID-19 pandemic. *Finance Research Letters*, 43, 101957.

FINANCIAL PERFORMANCE OF VIETNAM COMMERCIAL BANKS IN THE DIGITAL TECHNOLOGY AGE

Tang My Sang¹

¹*Faculty of Finance and Accounting, Ho Chi Minh City University of Economics and Finance*

Abstract

The article was conducted to understand the impact of financial technology on the financial performance of 27 Vietnamese commercial banks from 2018 to 2022. The article uses a multivariate regression model and processes data processing using the Pooled OLS method. Research results show that financial technology affects the financial performance of Vietnamese commercial banks. Research results show that financial technology, credit risk, operating costs, and banking competition have negative impacts on financial performance. Furthermore, the results also show that size, loans, capital, non-interest income, bank concentration, and economic growth have a positive influence on financial performance. From the research results, the author proposes management implications for Vietnamese commercial banks. The article has contributed research results on the impact of financial technology in Vietnamese banks, which is the basis for administrators to build strategies.

Keywords: Fintech, efficiency, commercial banking, credit.